

CÔNG TY CỔ PHẦN  
TRANSIMEX LOGISTICS  
Số: 11/2023/CBTT-TMSLOGS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc  
Tp. HCM, Ngày 24 tháng 03 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN  
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TP HÀ NỘI**

- Kính gửi:**
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
  - Sở giao dịch chứng khoán TP Hà Nội

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS**

Mã chứng khoán: TOT

Địa chỉ trụ sở chính: 429/8 đường Song Hành Hà Nội, Khu phố 7, Phường Trường Thọ, TP.Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 0948666057

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Hải Nhật

Địa chỉ: Lô A1,A2,A7, Đường số 1, KCN Bình Chiểu, P.Bình Chiểu, TP.Thủ Đức, TP.HCM

Điện thoại: 0902868069

Fax: 028.3720 6816

Loại thông tin công bố  24 giờ  72 giờ  Bất thường  Theo yêu cầu  Định kỳ  
Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 24/03/2023 tại đường dẫn: [www.transimextrans.com.vn](http://www.transimextrans.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm

- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022

Người được ủy quyền công bố thông tin



Nguyễn Hải Nhật

**Công ty Cổ phần Transimex Logistics**  
(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Transimex)

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



# Công ty Cổ phần Transimex Logistics

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Transimex)

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 29

# Công ty Cổ phần Transimex Logistics

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Transimex)

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Transimex Logistics ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Transimex, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0307821849 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 2009, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường biển và đường thủy nội địa; bốc xếp hàng hóa; lưu trữ hàng hóa và dịch vụ đóng gói.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 429/8 Song Hành Hà Nội, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Tôn Thất Hưng	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 17 tháng 9 năm 2022
Ông Nguyễn Chí Đức	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 17 tháng 9 năm 2022
Ông Nguyễn Huy Diệu	Thành viên	bổ nhiệm ngày 17 tháng 9 năm 2022
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2022
Ông Trịnh Anh Tuấn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2022
Bà Lê Thị Bích Khuê	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2022
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2022
Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên	miễn nhiệm ngày 17 tháng 9 năm 2022

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Xuân Quang	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 17 tháng 9 năm 2022
Ông Đỗ Đức Nguyên	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 17 tháng 9 năm 2022
Ông Võ Thành Đồng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 17 tháng 9 năm 2022
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 17 tháng 9 năm 2022
Ông Trần Thanh Tùng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 17 tháng 9 năm 2022
Bà Nguyễn Huỳnh Phương Thảo	Thành viên	miễn nhiệm ngày 17 tháng 9 năm 2022

### GIÁM ĐỐC

Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trịnh Anh Tuấn.

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Tôn Thất Hưng.

Ông Trịnh Anh Tuấn được Ông Tôn Thất Hưng ủy quyền để ký báo cáo tài chính kèm theo cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo Giấy Ủy quyền số 07/2022/UQ-TOT ngày 9 tháng 12 năm 2022.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Transimex Logistics

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Transimex)

## BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Transimex Logistics ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Transimex, hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

## TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trong yếu tố so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

## CÔNG BỐ CỦA GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Anh Tuấn  
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 3 năm 2023

Số tham chiếu: 12812243/66714250

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Transimex Logistics**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Transimex Logistics (“Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Transimex, được lập ngày 14 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 29, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Giám đốc***

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.


Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.


**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



  
Hang Nhật Quang  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1772-2023-004-1

  
Ngô Trần Quang

Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 5629-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 3 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>86.253.329.681</b>	<b>37.053.591.655</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>6.766.050.251</b>	<b>8.589.988.661</b>
111	1. Tiền		6.766.050.251	8.589.988.661
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>76.193.241.129</b>	<b>25.878.715.936</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	24.352.142.897	18.078.914.184
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	6.992.652.909	1.058.461.567
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	45.397.938.158	7.400.093.020
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1	(549.492.835)	(658.752.835)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>253.221.531</b>	<b>390.044.872</b>
141	1. Hàng tồn kho		253.221.531	390.044.872
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>3.040.816.770</b>	<b>2.194.842.186</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	3.040.816.770	2.194.842.186
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>66.436.406.413</b>	<b>37.593.864.390</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>201.827.000</b>	<b>246.827.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	201.827.000	246.827.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>65.426.913.334</b>	<b>36.513.713.456</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	65.337.850.832	36.513.713.456
222	Nguyên giá		128.655.001.276	93.249.721.923
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(63.317.150.444)	(56.736.008.467)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	89.062.502	-
228	Nguyên giá		142.250.000	47.250.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(53.187.498)	(47.250.000)
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>807.666.079</b>	<b>833.323.934</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	807.666.079	833.323.934
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>152.689.736.094</b>	<b>74.647.456.045</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>81.941.529.098</b>	<b>11.642.002.777</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>80.066.529.098</b>	<b>11.642.002.777</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	45.245.391.134	4.858.789.222
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	2.202.078.789	758.967.564
314	3. Phải trả người lao động		2.673.563.600	1.313.695.619
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	1.885.335.442	106.266.568
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	14	884.568.354	848.149.945
320	6. Vay ngắn hạn	15	26.750.000.000	3.000.000.000
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	425.591.779	756.133.859
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.875.000.000</b>	-
338	1. Vay dài hạn	15	1.875.000.000	-
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>70.748.206.996</b>	<b>63.005.453.268</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>17.1</b>	<b>70.748.206.996</b>	<b>63.005.453.268</b>
411	1. Vốn cổ phần		54.950.000.000	54.950.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		54.950.000.000	54.950.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		15.798.206.996	8.055.453.268
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		4.208.953.268	4.090.044.475
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		11.589.253.728	3.965.408.793
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>152.689.736.094</b>	<b>74.647.456.045</b>

Phạm Đông Đức  
Người lập

Nguyễn Hải Nhật  
Kế toán trưởng

Trịnh Anh Tuấn  
Giám đốc



Ngày 14 tháng 3 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	18.1	160.596.283.843	103.297.853.096
11	2. Giá vốn cung cấp dịch vụ	19	(126.063.350.698)	(87.552.169.839)
20	3. Lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ		34.532.933.145	15.745.683.257
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	14.978.348	20.693.619
22 23	5. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	20	(660.146.870) (627.661.328)	(323.937.908) (297.945.213)
25	6. Chi phí bán hàng		(3.282.000)	(30.600.000)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(18.088.643.372)	(11.842.548.005)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		15.795.839.251	3.569.290.963
31	9. Thu nhập khác	22	498.351.853	3.324.645.113
32	10. Chi phí khác	22	(3.252.125)	(872.639.138)
40	11. Lợi nhuận khác	22	495.099.728	2.452.005.975
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		16.290.938.979	6.021.296.938
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	(3.265.438.221)	(1.298.012.605)
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		13.025.500.758	4.723.284.333
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.3	2.109	722
71	16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	17.3	2.109	722

Phạm Đông Đức  
Người lập

Nguyễn Hải Nhật  
Kế toán trưởng

Trịnh Anh Tuấn  
Giám đốc



Ngày 14 tháng 3 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022


VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>16.290.938.979</b>	<b>6.021.296.938</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	9, 10	9.157.142.317	7.510.470.396
03	(Hoàn nhập) dự phòng		(109.260.000)	658.752.835
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(513.330.201)	(2.557.057.257)
06	Chi phí lãi vay	20	627.661.328	297.945.213
<b>08</b>	<b>Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>25.453.152.423</b>	<b>11.931.408.125</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(47.815.820.747)	(4.303.221.248)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		136.823.341	(8.538.157)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		13.098.530.445	(219.790.305)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(820.316.729)	1.023.259.189
13	Lãi vay đã trả		(349.176.300)	(287.671.240)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12	(1.924.045.213)	(2.019.220.469)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.766.789.110)	(654.970.454)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(13.987.641.890)</b>	<b>5.461.255.441</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(10.276.262.641)	-
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		601.851.853	2.536.363.638
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi		14.978.348	20.693.619
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(9.659.432.440)</b>	<b>2.557.057.257</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ** (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022


VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	15	26.000.000.000	-
34	Tiền trả nợ gốc vay	15	(375.000.000)	(3.000.000.000)
36	Cổ tức đã trả	17.2	(3.801.864.080)	(3.790.391.500)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính</b>		<b>21.823.135.920</b>	<b>(6.790.391.500)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(1.823.938.410)</b>	<b>1.227.921.198</b>
<b>60</b>	<b>Tiền đầu năm</b>		<b>8.589.988.661</b>	<b>7.362.067.463</b>
<b>70</b>	<b>Tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>6.766.050.251</b>	<b>8.589.988.661</b>

  
Phạm Đông Đức  
Người lập

  
Nguyễn Hải Nhật  
Kế toán trưởng



  
Trịnh Anh Tuấn  
Giám đốc



Ngày 14 tháng 3 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Transimex Logistics ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Transimex, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0307821849 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 2009, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường biển và đường thủy nội địa; bốc xếp hàng hóa; lưu trữ hàng hóa và dịch vụ đóng gói.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 429/8 Song Hành Hà Nội, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 241 (ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 88).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

#### **3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

#### **3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa. - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	2 năm
Máy móc và thiết bị	4 - 8 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

#### **3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **3.12 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

##### *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

##### *Cổ tức*

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

#### **3.13 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

#### **3.14 Thuế**

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	962.700.615	1.648.136.367
Tiền gửi ngân hàng	5.803.349.636	6.941.852.294
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.766.050.251</b>	<b>8.589.988.661</b>

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	18.434.639.646	12.301.964.156
Phải thu từ bên khác	5.917.503.251	5.776.950.028
Công ty TNHH Giấy Đồng Tiến Bình Dương	1.728.982.800	1.698.463.200
Khác	4.188.520.451	4.078.486.828
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>24.352.142.897</b>	<b>18.078.914.184</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(549.492.835)	(658.752.835)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>23.802.650.062</b>	<b>17.420.161.349</b>

**5.2 Trả trước ngắn hạn cho người bán**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Đầu tư Thiết kế Xây dựng Phú Hưng	4.201.815.643	-
Công ty Cổ phần Vân Nam	2.537.200.000	-
Công ty TNHH Ô tô Hàn Quốc	-	495.200.000
Công ty TNHH A.D.A	-	274.824.000
Khác	253.637.266	288.437.567
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.992.652.909</b>	<b>1.058.461.567</b>
Trong đó:		
Trả trước các bên khác	6.992.652.909	1.039.851.107
Trả trước các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	-	18.610.460

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>45.397.938.158</b>	<b>7.400.093.020</b>
Chi hộ	32.160.378.141	4.221.935.698
Tạm ứng cho nhân viên	12.764.198.513	2.280.323.522
Ký quỹ, ký cược	321.980.000	173.880.000
Khác	151.381.504	723.953.800
<b>Dài hạn</b>	<b>201.827.000</b>	<b>246.827.000</b>
Ký quỹ, ký cược	201.827.000	246.827.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>45.599.765.158</b>	<b>7.646.920.020</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ các bên khác</i>	<i>15.103.943.548</i>	<i>6.810.085.694</i>
<i>Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	<i>30.495.821.610</i>	<i>836.834.326</i>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	<u>253.221.531</u>	<u>390.044.872</u>

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.040.816.770</b>	<b>2.194.842.186</b>
Công cụ, dụng cụ	2.010.291.720	1.743.976.191
Phí bảo hiểm	504.304.739	371.894.071
Khác	526.220.311	78.971.924
<b>Dài hạn</b>	<b>807.666.079</b>	<b>833.323.934</b>
Công cụ, dụng cụ	417.772.711	452.401.460
Chi phí bảo trì	389.893.368	380.922.474
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.848.482.849</b>	<b>3.028.166.120</b>

**Công ty Cổ phần Transimex Logistics**  
(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Transimex)

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					VND
Số đầu năm	350.000.000	340.000.000	92.293.721.923	266.000.000	93.249.721.923
Mua trong năm	-	683.400.000	37.125.442.195	270.000.000	38.078.842.195
Thanh lý	-	-	(2.673.562.842)	-	(2.673.562.842)
Số cuối năm	350.000.000	1.023.400.000	126.745.601.276	536.000.000	128.655.001.276
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	350.000.000	180.000.000	22.690.526.218	266.000.000	23.486.526.218
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>					
Số đầu năm	(247.916.661)	(243.333.327)	(55.978.758.479)	(266.000.000)	(56.736.008.467)
Khấu hao trong năm	(102.083.339)	(96.949.992)	(8.929.671.488)	(22.500.000)	(9.151.204.819)
Thanh lý	-	-	2.570.062.842	-	2.570.062.842
Số cuối năm	(350.000.000)	(340.283.319)	(62.338.367.125)	(288.500.000)	(63.317.150.444)
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	102.083.339	96.666.673	36.314.963.444	-	36.513.713.456
Số cuối năm	-	683.116.681	64.407.234.151	247.500.000	65.337.850.832
<b>Trong đó:</b>					
Tài sản sử dụng để thế chấp (*)	-	-	4.988.182.720	-	4.988.182.720

(\*) Công ty đã thế chấp các xe đầu kéo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam như đề cập tại Thuyết minh số 15.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND
	<i>Phần mềm máy tính</i>
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	47.250.000
Mua trong năm	95.000.000
Số cuối năm	142.250.000
<i>Trong đó:</i>	
<i>Đã hao mòn hết</i>	47.250.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số đầu năm	(47.250.000)
Hao mòn trong năm	(5.937.498)
Số cuối năm	(53.187.498)
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	89.062.502

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH DV TM Xăng dầu An Thịnh Phát	3.528.627.770	955.279.170
Công ty Cổ Phần Logistics Shibusawa Việt Nam	1.445.234.264	-
Cty TNHH Vận tải và Thương mại Thái Nguyên Lâm	540.000.000	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần TM DV Hiệp Tân	310.202.191	520.838.252
Công ty TNHH Thương mại KK Petro	-	571.446.180
Khác	39.421.326.909	2.811.225.620
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>45.245.391.134</b>	<b>4.858.789.222</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên bên khác</i>	9.513.013.698	4.702.779.486
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	35.732.377.436	156.009.736

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	VND Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	580.371.369	3.265.438.221	(1.924.045.213)	1.921.764.377
Thuế giá trị gia tăng	152.565.932	13.142.602.807	(13.100.948.202)	194.220.537
Thuế thu nhập cá nhân	26.030.263	369.052.719	(308.989.107)	86.093.875
Thuế khác	-	3.252.125	(3.252.125)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>758.967.564</b>	<b>16.780.345.872</b>	<b>(15.337.234.647)</b>	<b>2.202.078.789</b>

**13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê nhà kho	1.795.943.985	-
Khác	89.391.457	106.266.568
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.885.335.442</b>	<b>106.266.568</b>

**14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quý hỗ trợ nhân viên	745.720.605	698.980.000
Trả cổ tức	135.318.920	90.683.000
Tiền cọc	-	17.160.000
Khác	3.528.829	41.326.945
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>884.568.354</b>	<b>848.149.945</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên khác</i>	884.568.354	830.989.945
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	-	17.160.000

**Công ty Cổ phần Transimex Logistics**  
(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Transimex)

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. VAY**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Phân loại lại	Số cuối năm
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>23.000.000.000</b>	-	<b>750.000.000</b>	<b>26.750.000.000</b>
Vay từ bên liên quan	3.000.000.000	23.000.000.000	-	-	26.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	750.000.000	750.000.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>(375.000.000)</b>	<b>(750.000.000)</b>	<b>1.875.000.000</b>
Vay ngân hàng	-	3.000.000.000	(375.000.000)	(750.000.000)	1.875.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>26.000.000.000</b>	<b>(375.000.000)</b>	<b>-</b>	<b>28.625.000.000</b>

VND

**15.1 Vay ngắn hạn từ bên liên quan**

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ bên liên quan (Thuyết minh số 25) được trình bày như sau:

Bên liên quan	Số cuối năm	Lãi suất	Kỳ hạn	Ngày đáo hạn	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Transimex	26.000.000.000	5 - 7	6 - 12	Từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 đến ngày 29 tháng 5 năm 2023	Tín chấp

# Công ty Cổ phần Transimex Logistics

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Transimex)

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 15. VAY (tiếp theo)

### 15.2 Vay dài hạn từ ngân hàng

Chi tiết khoản vay ngân hàng dài hạn được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Lãi suất %/năm	Kỳ hạn Tháng	Ngày đáo hạn	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	<u>2.625.000.000</u>	7,5	48	Từ ngày 27 tháng 2 năm 2023 đến ngày 10 tháng 5 năm 2026	Các xe đầu kéo trình bày ở Thuyết minh số 9
Trong đó					
Vay dài hạn đến hạn trả	750.000.000				
Vay dài hạn	1.875.000.000				



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	756.133.859	653.228.773
Tăng trong năm	1.436.247.030	757.875.540
Giảm trong năm	(1.766.789.110)	(654.970.454)
Số cuối năm	<u><b>425.591.779</b></u>	<u><b>756.133.859</b></u>

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	VND		
	Vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>			
Số đầu năm	54.950.000.000	7.936.544.475	62.886.544.475
Lợi nhuận thuần trong năm	-	4.723.284.333	4.723.284.333
Trích lập các quỹ	-	(757.875.540)	(757.875.540)
Cổ tức đã công bố	-	(3.846.500.000)	(3.846.500.000)
Số cuối năm	<u>54.950.000.000</u>	<u>8.055.453.268</u>	<u>63.005.453.268</u>
<b>Năm nay</b>			
Số đầu năm	54.950.000.000	8.055.453.268	63.005.453.268
Lợi nhuận thuần trong năm	-	13.025.500.758	13.025.500.758
Trích lập các quỹ	-	(1.436.247.030)	(1.436.247.030)
Cổ tức đã công bố (*)	-	(3.846.500.000)	(3.846.500.000)
Số cuối năm	<u>54.950.000.000</u>	<u>15.798.206.996</u>	<u>70.748.206.996</u>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên 2022 ngày 20 tháng 3 năm 2022, các cổ đông của Công ty đã thông qua việc chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt tại mức 7% mệnh giá. Vào ngày 5 tháng 5 năm 2022, Hội đồng Quản trị đã thực hiện phương án chi trả cổ tức này.

**17.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần</b>		
Số đầu năm và số cuối năm	54.950.000.000	54.950.000.000
<b>Cổ tức</b>		
<b>Cổ tức công bố trong năm</b>	<b>3.846.500.000</b>	<b>3.846.500.000</b>
Cổ tức năm 2022: 700 VND/cổ phiếu (năm 2021: 700 VND/cổ phiếu)	3.846.500.000	3.846.500.000
<b>Cổ tức đã trả trong năm</b>	<b>3.801.864.080</b>	<b>3.790.391.500</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**17.3 Lãi trên cổ phiếu**

Công ty sử dụng các thông tin sau đây để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (VND)	13.025.500.758	4.723.284.333
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)	(1.436.247.030)	(757.875.540)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>11.589.253.728</b>	<b>3.965.408.793</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	5.495.000	5.495.000
Lãi cơ bản (VND)	2.109	722
Lãi suy giảm (VND)	2.109	722

Công ty không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm tàng nào kể từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập báo cáo tài chính này.

**18. DOANH THU**

**18.1 Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ vận tải	154.376.120.968	99.079.422.862
Doanh thu dịch vụ khác	6.220.162.875	4.218.430.234
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b>160.596.283.843</b>	<b>103.297.853.096</b>
Trong đó:		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	137.235.145.896	79.418.893.151
Các bên khác	23.361.137.947	23.878.959.945

**18.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	14.978.348	20.693.619

**19. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ cung cấp	126.063.350.698	87.552.169.839

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	627.661.328	297.945.213
Chi phí khác	32.485.542	25.992.695
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>660.146.870</b>	<b>323.937.908</b>

**21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên	11.339.010.924	5.135.903.831
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.459.236.216	5.010.856.646
Chi phí khấu hao và hao mòn	108.020.837	180.249.996
(Hoàn nhập) chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(109.260.000)	658.752.835
Khác	1.291.635.395	856.784.697
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>18.088.643.372</b>	<b>11.842.548.005</b>

**22. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>498.351.853</b>	<b>3.324.645.113</b>
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	498.351.853	2.536.363.638
Thu nhập khác	-	788.281.475
<b>Chi phí khác</b>	<b>(3.252.125)</b>	<b>(872.639.138)</b>
Các khoản phạt	(3.252.125)	(872.639.138)
<b>THU NHẬP KHÁC THUẦN</b>	<b>495.099.728</b>	<b>2.452.005.975</b>

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhiên vật liệu	59.703.971.824	39.374.864.389
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.485.668.616	33.077.137.897
Chi phí lương nhân viên	27.622.835.918	17.916.707.630
Chi phí khấu hao và hao mòn		
(Thuyết minh số 9 và 10)	9.157.142.317	7.510.470.396
(Hoàn nhập) chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(109.260.000)	658.752.835
Khác	1.294.917.395	856.784.697
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>144.155.276.070</b>	<b>99.394.717.844</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**24.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.265.438.221	1.211.413.907
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	86.598.698
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.265.438.221</u></b>	<b><u>1.298.012.605</u></b>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b><u>16.290.938.979</u></b>	<b><u>6.021.296.938</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	3.258.187.796	1.204.259.388
<i>Điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	7.250.425	7.154.519
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	86.598.698
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>3.265.438.221</u></b>	<b><u>1.298.012.605</u></b>

**24.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

# Công ty Cổ phần Transimex Logistics

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Transimex)

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan*

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước	VND
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ Chi hộ	130.922.073.593	74.478.614.627	
		Mua tài sản cố định	36.056.651.780	2.323.343.812	
		Đi vay	30.242.024.000	-	
		Mua dịch vụ	23.000.000.000	-	
		Nhận cổ tức	4.124.179.501	1.358.796.039	
		Lãi vay	2.903.250.000	2.912.210.000	
		Trả vay	492.424.590	197.260.281	
			-	3.000.000.000	
Công ty Cổ phần Vinafreight	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ Chi hộ	2.958.967.506	3.138.561.215	
			752.112.159	793.490.536	
Công ty Liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ Chi hộ	1.651.771.000	1.587.086.400	
			479.058.715	189.683.500	
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ Nhận ký cược, ký quỹ Cán trừ ký cược, ký quỹ	60.490.000	214.630.909	
			-	17.160.000	
			17.160.000	-	
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ Mua dịch vụ	1.641.843.797	-	
			20.606.903	34.536.364	

**Công ty Cổ phần Transimex Logistics**  
(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Transimex)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>					
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	17.217.737.682	11.285.460.830	
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Teck Park Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	922.294.724	-	
Công ty Cổ phần Vinafreight	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	175.210.000	618.337.886	
Công ty Liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	119.397.240	353.332.190	
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	-	44.833.250	
			<b>18.434.639.646</b>	<b>12.301.964.156</b>	
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>					
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ	Chi hộ	30.430.732.365	634.058.812	
Công ty Cổ phần Vinafreight	Công ty trong cùng Tập đoàn	Chi hộ	55.897.505	83.717.014	
Công ty Liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Chi hộ	9.191.740	119.058.500	
			<b>30.495.821.610</b>	<b>836.834.326</b>	
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>					
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ	Mua dịch vụ	-	18.610.460	

**Công ty Cổ phần Transimex Logistics**  
(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Transimex)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>					
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ	Mua nguyên giá tài sản cố định	30.242.024.000	-	-
		Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ từ mua tài sản cố định	2.419.361.920	-	-
		Mua dịch vụ	2.495.692.372	30.114.736	30.114.736
		Mua dịch vụ	575.299.144	125.895.000	125.895.000
			<b>35.732.377.436</b>	<b>156.009.736</b>	<b>156.009.736</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>					
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải	Công ty trong cùng Tập đoàn	Nhận ký cược, ký quỹ	-	17.160.000	17.160.000
<b>Vay ngắn hạn</b>					
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ	Vay ngắn hạn	26.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	Năm nay	VND Năm trước
Thù lao và thưởng	<u>867.222.624</u>	<u>510.225.502</u>


**26. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Dưới 1 năm	<u>749.196.534</u>	<u>710.996.333</u>


**27. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

  
Phạm Đông Đức  
Người lập

  
Nguyễn Hải Nhật  
Kế toán trưởng



  
Trịnh Anh Tuấn  
Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2023



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
TRANSIMEX LOGISTICS**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15 /2023/CV-TMSLOGS

TP.HCM, ngày 24 tháng 3 năm 2023

V/v Giải trình lợi nhuận năm 2022  
cao hơn lợi nhuận năm 2021

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Transimex Logistics
- Mã CK: TOT

Công ty Cổ phần Transimex Logistics (Mã chứng khoán: TOT) giải trình việc lợi nhuận trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022 có thay đổi lớn hơn 10% so với năm 2021 như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2022 (VND)	Năm 2021 (VND)
Lợi nhuận sau thuế	13.025.500.758	4.723.284.333

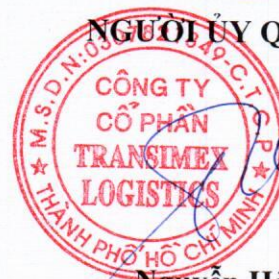
Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số: 03/2022/NQ.ĐHCD-TMSLOG ngày 17/09/2022, Công ty thực hiện hoàn thành kế hoạch nhận chuyển nhượng Phòng Logistics của Công ty Cổ phần Transimex (Công ty mẹ) nhằm mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và ghi nhận tăng doanh thu, lợi nhuận của Công ty trong năm 2022. Do đó, lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm 2022 tăng so với năm 2021.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu VT.

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
TRANSIMEX LOGISTICS  
NGƯỜI ỦY QUYỀN CBTT**



**Nguyễn Hải Nhật**